

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 27/2024/HSST

Ngày 29 - 3- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trường;
- Ông Nguyễn Công Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chi-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hoàng Thủy Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số D L, thành phố Đ), Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo,

Trần Minh S, sinh ngày 06/6/1992, tại: Tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề Nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thiện T, sinh năm 1953 và bà Võ Thị M, sinh năm 1955, đều trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Gia đình có 06 anh, chị, em, bị cáo là thứ sáu; Vợ: Phan Thị Ánh T1, sinh năm 1999, có 01 con, sinh năm 2023.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Nhân thân: Ngày 19/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xử phạt Trần Minh S: 10 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1957 (Chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại (Ông Nguyễn Hữu T2 và bà Phạm Thị P):

- Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1979; ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1985 (Đều là con của bị hại); cùng địa chỉ: Khu phố E,

phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bà Nguyễn Thị Hoài T5, sinh năm 1987 (Con của bị hại); trú tại: Khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại (Ông Nguyễn Minh T3, ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Hoài T5): Ông Nguyễn Xuân T4; địa chỉ: Khu phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2023), có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Biện Thị T6, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bà Biện Thị T6): Ông Phan Văn H, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2023), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh S (Có giấy phép lái xe hạng FC do Sở Giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 03/5/2022, có thời hạn đến ngày 03/5/2027) được bà Biện Thị T6, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (*Sau đây viết tắt là: bà T6*), thuê làm lái xe chở hàng theo Hợp đồng lao động ngày 29/7/2023.

Vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 03/9/2023, Trần Minh S điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát: 78C- 085.12 kéo theo somi rơ moóc tải biển kiểm soát: 78R-004.43 (*Sau đây viết tắt là: xe ô tô đầu kéo*), thuộc sở hữu của bà T6, lưu thông trên làn đường dành cho xe cơ giới (Làn đường tiếp giáp với dải phân cách cứng) thuộc phần đường bên phải đường Q (Đường L) theo hướng Nam-Bắc, cách lề đường bên phải cùng chiều khoảng 08 - 09 mét. Khi đến gần ngã ba đường L giao nhau với đường B, thuộc Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Sau đây viết tắt là: ngã ba*), S quan sát đèn tín hiệu giao thông đang ở tín hiệu màu xanh (Cho phép đi) nên S giữ nguyên tốc độ khoảng 45 km/h và tiếp tục điều khiển xe ô tô đầu kéo đi thẳng vào phạm vi ngã ba. Khi xe ô tô đầu kéo đến gần vị trí vạch dừng đèn tín hiệu giao thông (Trước phạm vi ngã ba), thì S phát hiện xe mô tô biển kiểm soát: 74C1-411.20 (*Sau đây viết tắt là: xe mô tô*) do ông Nguyễn Hữu T2 điều khiển chở phía sau là bà Phạm Thị P; cùng trú tại Khu phố E, phường Đ, thành phố Đ và một xe ô tô khác đang cùng chuyển hướng từ phần đường L hướng Bắc-Nam sang phần đường xe ô tô đầu kéo để đi vào đường B. Sang tự tin cho rằng các phương tiện trên sẽ nhường đường cho xe của mình qua trước rồi mới tiếp tục chuyển hướng nên vẫn giữ nguyên tốc độ và tiếp tục điều khiển xe ô tô đầu kéo đi thẳng vào phạm vi ngã ba. Khi S điều khiển xe ô tô đầu kéo vào phạm vi ngã ba được khoảng 10 -15 mét, thì trong khi xe ô tô khác dừng lại trong phạm vi khoảng hờ dải phân cách cứng để nhường đường thì mô tô vẫn tiếp tục chuyển hướng sang trái cách phía trước xe ô tô đầu kéo khoảng

01 - 02 mét. S liền đạp mạnh chân phanh và đánh lái sang phải để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên xe ô tô đầu kéo va chạm với xe mô tô ông T2 đang điều khiển làm ông T2 và bà P ngã xuống mặt đường.

* Hậu quả: Bà Phạm Thị P, tử vong tại chỗ; ông Nguyễn Hữu T2 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q rồi chuyển vào Bệnh viện T8, đến 19 giờ cùng ngày thì tử vong. Xe ô tô đầu kéo và xe mô tô đều bị hư hỏng.

(1) Kết quả khám nghiệm hiện trường:

- Tại thời điểm khám nghiệm, hiện trường đã bị xáo trộn.
- Điều kiện thời tiết tại thời điểm khám nghiệm: Trời nắng, mặt đường khô ráo, ánh nắng đầy đủ để tiến hành khám nghiệm;
- Nơi xảy ra tai nạn giao thông: Tại đường L, phần đường đi N-B, đoạn ngã ba, thuộc địa phận Khu phố D, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

Vị trí xảy ra tai nạn: Đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa bê tông khá bằng phẳng, rộng: 11,8 mét (m), được chia thành 03 làn đường, trong đó: Có 02 làn, dành cho xe cơ giới, làn đường dành cho xe cơ giới thứ nhất sát với dải phân cách cứng, rộng: 3,4 m; làn đường dành cho xe cơ giới thứ hai, rộng: 4 m và 01 làn đường dành cho xe thô sơ, rộng: 4,4 m.

- Hướng khám nghiệm: Hướng Nam-Bắc của đường L. Lấy cột điện số A nằm trên lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm, làm điểm chuẩn.

Chọn mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm mép chuẩn.

- Hiện trường để lại các dấu vết: Dấu vết phanh trên mặt đường hướng N-B, vết phanh thẳng, màu đen được hình thành.

Dấu vết phanh (Đánh số 1): Vết phanh thẳng theo hướng khám nghiệm, màu đen, được hình thành do tác động của lốp sau ngoài bên trái trục thứ ba (tính từ đầu xe đến cuối xe) xe ô tô tác động xuống mặt đường, dài 20,65 m, rộng 0,25 m. Khoảng cách từ đầu (1) đến điểm mốc là 13,4 m. Điểm đầu và điểm cuối dấu vết phanh lần lượt cách mép đường chuẩn là 11,3 m và 9,15 m.

Dấu vết phanh (Đánh số 2): Vết phanh thẳng theo hướng khám nghiệm, màu đen, được hình thành do tác động của lốp sau trong bên trái trục thứ ba (tính từ đầu xe đến cuối xe) xe ô tô đầu kéo tác động xuống mặt đường, có chiều dài 6,23 m, rộng 0,15 m. Điểm đầu và điểm cuối (2) lần lượt cách mép đường chuẩn là 10 m và 8,76 m. Điểm đầu (2) cách điểm đầu (1) là 22 m.

Xe ô tô đầu kéo (Đánh số 3): Đầu đầu xe quay về hướng B, đuôi xe về hướng N. Tâm trục trước bên phải và bên trái xe ô tô đầu kéo cách mép đường chuẩn lần lượt là 6,34 m và 8,47 m, tâm trục sau bên phải và bên trái sơm rơ moóc cách mép đường chuẩn lần lượt là 8,05 m và 9,8 m. Tâm trục sau bên phải sơm rơ moóc cách điểm mốc là 18,03 m, cách đầu (1) là 11,25 m.

Đám cây trượt (Đánh số 4): Hướng theo hướng khám nghiệm, đây là một vết đám cây trượt gồm hai vết cây trượt, có chiều dài 11,62 m, điểm rộng nhất 0,35 m,

điểm hẹp nhất 0,03m. Điểm đầu (4) cách điểm mốc là 24,5 m, điểm cuối (4) cách mép đường chuẩn là 7,08 m.

Vết trượt máu (Đánh số 5): Hướng theo hướng khám nghiệm, dài 1,15 m, rộng 0,05 m. Điểm đầu và điểm cuối vết trượt máu lần lượt cách mép đường chuẩn là 8,4 m và 8,34 m. Điểm đầu (5) cách điểm đầu (4) là 4,33 m.

Xe mô tô (Đánh số 6): Xe mô tô nằm ngã nghiêng bên trái trên mặt đường, đầu xe quay về mép đường chuẩn, đuôi xe quay ra giữa đường. Tâm trục trước và trục sau (6) cách mép đường chuẩn lần lượt là 6,53 m và 7,47 m. Tâm trục trước và trục sau xe mô tô cách tâm trục trước xe ô tô (3) lần lượt là 0,6 m và 1,66 m.

Vết máu (Đánh số 6): Không có hình dạng, diện 1.26 x 0,98 m, có tâm diện cách mép đường chuẩn là 6,25 m, tâm diện cách tâm trục sau bên trái xe mô tô (6) là 4,35 m.

Nạn nhân Phạm Thị P (Đánh số 7): Nạn nhân nằm sấp trên mặt đường, đầu hướng về mép đường chuẩn, chân hướng ra giữa đường, đầu và chân nạn nhân cách mép đường chuẩn lần lượt là 6,25 m và 7,75 m. Đầu nạn nhân cách cuối đám cây trượt (4) là 4,7 m.

(2) Vật chứng thu giữ:

- Xe mô tô biển kiểm soát 74C1-411.20 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 037421 BKS 74C1- 411.20 mang tên Nguyễn Hữu T2 do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/10/2018.

- Xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát: 78C-085.12 và Sơmi rơ moóc tải biển kiểm soát: 78R-004.43.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 78C-085.12 số 78002959 do Công an tỉnh P cấp ngày 30/9/2021; Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc biển kiểm soát: 78R-004.43 số 000731 do Công an tỉnh P cấp ngày 13/02/2019.

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sơmi rơ moóc tải biển kiểm soát: 78R-004.43 số 1627588 do Trung tâm Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 16/02/2023 có hiệu lực đến hết ngày 15/02/2024.

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát: 78C-085.12 số 1761611 do Trung tâm Đ1, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/8/2023 có hiệu lực đến hết ngày 20/02/2024.

- Giấy phép lái xe ô tô hạng FC số 340142007030 mang tên Trần Minh S do Sở giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 03/05/2022.

* Ngày 30/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại:

- Xe mô tô biển kiểm soát: 74C1-411.20 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho anh Nguyễn Xuân T4;

- Xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát: 78C-085.12; Sơmi rơ moóc tải biển kiểm soát: 78R-004.43, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

phương tiện giao thông cơ giới đường bộ somi rơ moóc và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô, cho chủ sở hữu (Bà T6).

(3) Kết luận giám định vị trí va chạm:

Tại Bản kết luận giám định số: 951/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận:

- Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô đầu kéo và xe mô tô, là: Cản trước xe ô tô đầu kéo va chạm với phía bên phải xe mô tô, gồm các bộ phận: Phụộc trước và ốp nhựa vai phụộc bánh trước, khung kim loại bảo vệ sau yên xe, ống xả và ốp kim loại bảo vệ ống xả.

Xe ô tô đầu kéo va chạm vào xe mô tô theo hướng từ phải sang trái.

- Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô đầu kéo và xe mô tô trên hiện trường là: Khu vực phía trước điểm đầu dấu vết ký hiệu số (4) được ghi nhận và mô tả trong hồ sơ khám nghiệm, trong khu vực giao nhau giữa Quốc lộ A (H-B) và đường B.

- Không có cơ sở xác định tốc độ của xe ô tô đầu kéo và xe mô tô tại thời điểm xảy ra tai nạn.

(4) Kết luận giám định xác định nguyên nhân chết:

Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 904/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Q, kết luận: Nguyên nhân chết của bà Phạm Thị P là đa chấn thương.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 954/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Q, kết luận: Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Hữu T2 là đa chấn thương.

(5) Kết luận định giá tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đ, kết luận:

- Xe mô tô biển kiểm soát: 74C1-411.20, bị hư hỏng do tai nạn giao thông, có giá trị thiệt hại là 2.800.960 đồng.

- Xe ô tô biển kiểm soát: 78C-085.12, kéo theo somi rơ moóc tải biển kiểm soát: 78R- 004.43, bị hư hỏng do tai nạn giao thông, có giá trị thiệt hại là 8.192.700 đồng.

(6) Kết quả xét nghiệm, sau khi gây ra tai nạn

- Kết quả xét nghiệm chất ma túy, nồng độ còn, đối với Trần Minh S: Không phát hiện.

- Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của ông Nguyễn Hữu T2: 2,7648 mg/100mL.

(7) Truy tố: Cáo trạng số 27/CT-VKS-ĐH ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo Trần Minh S về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

(8) Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh S, phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Minh S từ 15 đến 18 tháng tù. Và trả lại cho S giấy phép lái xe hiện có tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Hoạt động tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Thấy, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[II] Nội dung vụ án

(1) Về trách nhiệm hình sự

(1.1) Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh S đã khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo tham gia giao thông diễn ra vào lúc 08 giờ 50 phút, ngày 03/9/2024 như nội dung bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-ĐH ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo. Lời khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đó là: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; vật chứng thu giữ; kết quả khám nghiệm phương tiện; kết luận giám định nên có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 08 giờ 50 phút ngày 03/9/2023, Trần Minh S (Có giấy phép lái xe hợp lệ) điều khiển xe ô tô đầu kéo trên tuyến QL1A (Đường L) theo hướng Nam-B, khi đến gần ngã ba giao nhau giữa đường L với đường B, thuộc Khu phố D, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, S điều khiển ô tô đầu kéo trên làn đường thứ nhất (Làn đường dành cho xe cơ giới, sát với dải phân cách cứng), với tốc độ khoảng 45 km/h, thấy đèn tín hiệu giao thông đang ở tín hiệu màu xanh (Cho phép đi) và thấy xe ô tô khác và xe mô tô đang đi ngược chiều và đang cùng chuyển hướng từ phần đường L hướng Bắc-Nam sang phần đường xe ô tô đầu kéo S đang điều khiển để đi vào đường B nhưng S tự tin cho rằng các phương tiện trên sẽ nhường đường cho xe của mình qua trước rồi mới tiếp tục chuyển hướng nên vẫn giữ nguyên tốc độ và tiếp tục điều khiển xe ô tô đầu kéo đi thẳng vào phạm vi ngã ba. Khi S điều khiển ô

tô đầu kéo vào phạm vi ngã ba được khoảng 10 -15 mét, thì xe ô tô khác dừng lại để nhường đường còn xe mô tô vẫn tiếp tục chuyển hướng sang trái cách phía trước xe ô tô đầu kéo do S điều khiển khoảng 01-02 mét. S liền đạp mạnh chân phanh và đánh lái sang phải để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên xe ô tô đầu kéo S đang điều khiển va chạm với xe mô tô do ông Nguyễn Hữu T2 điều khiển chở phía sau là bà Phạm Thị P.

Như vậy, hành vi nêu trên của Trần Minh S đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ được hướng dẫn tại khoản 1, 3 và 5, Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019: “*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: 1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm;...3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức;...5. Qua khu vực đông dân cư...*”; hậu quả: “Ông Nguyễn Hữu T2 và bà Phạm Thị P, chết do đa chấn thương” nên bị cáo Trần Minh S đã phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

(1.2) Đối với hành vi tham gia giao thông của ông Nguyễn Hữu T2, thấy: Ông T2 điều khiển xe mô tô tham gia giao thông nhưng trong máu có nồng độ cồn là 2,7648 mg/100mL, không có giấy phép lái xe hạng A1, chuyển hướng thiếu quan sát, gây trở ngại nguy hiểm cho người và phương tiện khác, đã vi phạm khoản 8, khoản 9 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ. Hành vi của ông Nguyễn Hữu T2 cũng là nguyên nhân dẫn đến tai nạn với xe ô tô đầu kéo, gây hậu quả bà Phạm Thị P bị tử vong và gây thiệt hại đến xe ô tô đầu kéo nên đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự nhưng ông T2 đã bị tử vong nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý, là có căn cứ.

(1.3) Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự và an toàn công cộng, gây lo ngại cho mọi người khi tham gia giao thông trên các tuyến đường thuộc thành phố Đ nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng- ngừa và đẩy lùi loại tội phạm có chiều hướng gia tăng này trên địa bàn Thành phố.

(1.4) Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của gia đình bị hại (Bồi thường 225.000.000 đồng trong tổng số 255.000.000 đồng); đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị hại (Ông Nguyễn Hữu T2) cũng có lỗi (Như đã nhận định tại điểm (1.2) nêu trên) nên phải áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

(1.5) Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, là làm chết 02 người nhưng bị hại có lỗi; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ và phù hợp.

Cần áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Trần Minh S, với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

(2) Về trách nhiệm dân sự:

- Trần Minh S đã bồi thường cho gia đình bị hại, với tổng số tiền 225.000.000 đồng. Ngoài ra, S và đại diện hợp pháp của bị hại còn thỏa thuận: S1 còn phải bồi thường thêm cho gia đình bị hại 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại (Ông Nguyễn Xuân T4) và bị cáo tự thỏa thuận thực hiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Biện Thị T6 không yêu cầu Trần Minh S bồi thường thiệt hại do xe ô tô đầu kéo bị hư hỏng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(3) Về vật chứng vụ án:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ vật chứng vụ án cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với Giấy phép lái xe số 340142007030 do Sở giao thông tỉnh P cấp ngày 03/5/2022, mang tên Trần Minh S là tài liệu có liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung nên cần trả lại cho S.

- Đối với khoản tiền 150.000.000 đồng, Trần Minh S tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án (Bồi thường thiệt hại) theo Biên lai thu tiền số 0000311 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, thấy: Theo nguyện vọng của S và đại diện gia đình bị hại, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà đã trả lại toàn bộ cho S và S đã kịp thời bồi thường cho gia đình bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[III] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Minh S**, phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Trần Minh S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Trả lại cho Trần Minh S: Giấy phép lái xe số 340142007030 do Sở giao thông tỉnh P cấp ngày 03/5/2022, mang tên Trần Minh S (Giấy phép lái xe-hiện có tại hồ sơ vụ án).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí,

Buộc Trần Minh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa (Bà Biện Thị T6) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đông Hà;
- Bị cáo; Đại diện HP bị hại, Người CQLNVLQ;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Q.Trị;
- Công an thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

Trần Quốc Huy